|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM **BAN VĂN HÓA-XÃ HỘI HỘIUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 15 /BC-VHXH | Kon Tum, ngày 29 tháng 6 năm 2020  |

**BÁO CÁO THẨM TRA**

**Dự thảo Nghị quyết Quy định khoảng cách và địa bàn để xác định**

**học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định**

**tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Thông báo số 38/TB-HĐND ngày 25/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân công thẩm tra các báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI;

Trên cơ sở Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 8/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh. Ban Văn hóa - Xã hội đã tổ chức cuộc họp thẩm tra về nội dung trên. Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc tỉnh. Sau khi nghe đại diện cơ quan trình báo cáo; ý kiến tham gia thảo luận của các đại biểu dự họp, Ban báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. Về căn cứ pháp lý:**

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (gọi tắt là Nghị định 116); Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 2 Điều 5 của Nghị định này và điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh để nhà trường chủ động trong việc tổ chức nấu ăn cho học sinh tại trường.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh là đúng thẩm quyền.

**II. Nội dung của dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau:**

**1. Nội dung Dự thảo nghị quyết:**

Trên cơ sở quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại điểm a, khoản 5 Điều 11 của Nghị định 116; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại và đổi tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng Dự thảo nghị quyết quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum với các nội dung chính như sau:

- Đối tượng áp dụng: Học sinh và Trường phổ thông theo quy định tại Điều 4, Khoản 2 Điều 2 nghị định 116.

- Địa bàn: Xã khu vực III hoặc thôn đặc biệt khó khăn là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh.

- Khoảng cách cụ thể:

+ Trường hợp nhà xa trường: Khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 4km trở lên đổi với học sinh tiểu học, 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

+ Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (quãng đường đi từ nhà đến trường của học sinh phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá): Khoảng cách quãng đường từ nhà đến trường dưới 4 km đối với học sinh tiểu học, dưới 7 km đối với học sinh trung học cơ sở, dưới 10 km đối với học sinh trung học phổ thông.

- Tỷ lệ khoán kinh phí hỗ trợ phục vụ việc nấu ăn cho học sinh: áp dụng mức khoán tối thiểu (135% mức lương cơ sở/1 tháng/30 học sinh) và định mức tối đa được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 5 Nghị định 116.

**2. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau:**

2.1. Ý kiến của các cơ quan tham gia góp ý:

- Thông qua việc lấy ý kiến góp ý của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; UBMTTQVN tỉnh: có 10/15 cơ quan có ý kiến tham gia dự thảo Nghị quyết. Các ý kiến tham gia cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết, có 3 ý kiến[[1]](#footnote-1) tham gia được cơ quan chủ trì tiếp thu và điều chỉnh và giải trình thêm[[2]](#footnote-2).

- Về ý kiến của cơ quan thẩm định: Các nội dung tại báo cáo thẩm định số 140/BC-STP ngày 28/5/2020 của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo cơ bản đã tiếp thu đầy đủ[[3]](#footnote-3).

**2.2. Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết (kèm theo Tờ trình số 66/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh):**

**2.2.1. Điều 2: Khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày:**

a. Về xác định địa bàn, khoảng cách:

Về địa bàn: Là xã, thôn đặc biệt khó khăn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt [[4]](#footnote-4).

Khoảng cách: dự kiến xác định khoảng cách tối thiểu theo quy định tại điểm b, c khoản 1; điểm b khoản 2 của Điều 4 nghị định 116, cụ thể:

+ Trong điều kiện nhà cách xa trường nhưng giao thông thuận lợi: khoảng cách phải đạt số km tối thiểu trở lên tương ứng với từng cấp học thì mới được xét hưởng chính sách theo Nghị định 116.

+ Trong điều kiện địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (phải qua sông, suối nhưng không có cầu; đi qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá): khoảng cách từ nhà đến trường dưới số km tối thiểu tương ứng với từng cấp học.

Nếu học sinh thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn khi đi học mà thuộc một trong hai trường hợp như trên dẫn đến việc không thể đi học và trở về nhà trong ngày thì xem xét để hưởng chính sách theo Nghị định 116.

Dự thảo Nghị quyết đặt vấn đề trong điều kiện giao thông thuận lợi thì không cần lập phụ lục cụ thể các thôn (làng) đặc biệt khó khăn được xét theo Nghị định 116, mà chỉ cần đảm bảo khoảng cách tối thiểu trở lên thì đương nhiên được hưởng; đối với khu vực có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn thì mới quy định địa bàn cụ thể (như phụ lục gửi kèm tờ trình). Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế[[5]](#footnote-5) Ban nhận thấy đang còn nhiều bất cập:

- Về phương pháp xác định khoảng cách tối thiểu: Học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đi học trong điều kiện giao thông thuận lợi thì nhà trường và chính quyền địa phương phối hợp để tính khoảng cách theo từng bậc học. Tuy nhiên, phương pháp tính khoảng cách từ nhà đến trường các địa phương thực hiện không giống nhau[[6]](#footnote-6) dẫn đến kết quả khoảng cách cũng khác nhau và bỏ sót đối tượng.[[7]](#footnote-7)

- Một số địa bàn trước đây có xét học sinh hưởng chính sách theo diện giao thông thuận lợi, đảm bảo khoảng cách tối thiểu trở lên và thực hiện chế độ cho học sinh từ năm học 2016-2017 đến nay, nhưng hiện nay chuyển sang đề nghị bổ sung danh sách địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn[[8]](#footnote-8) theo Tờ trình số 66/TTr-UBND của UBND tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh lần thứ 10.

- Đối với địa hình giao thông khó khăn, cách trở, xác định từ nhà học sinh đến trường phải qua đèo, suối, đường sạt lở, có độ dốc cao, qua cầu tràn...: Sau 5 năm triển khai chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và xây dựng Nông thôn mới, nhiều địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn đã được đầu tư cơ sở hạ tầng như: cầu, đường; giao thông thuận lợi; không còn thuộc diện “giao thông khó khăn, địa hình cách trở” nhưng trong phụ lục địa bàn có giao thông cách trở kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh vẫn chưa có sự thay đổi, vẫn để các thôn đặc biệt khó khăn có khoảng cách đến trường dưới km tối thiểu để xác định học sinh được hưởng chính sách.[[9]](#footnote-9)

- Cách hiểu và áp dụng chính sách đối với xã, thôn đặc biệt khó khăn: Trong thực tế triển khai Nghị định 116, vẫn đang còn cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất về tiêu chí “xã, thôn đặc biệt khó khăn”[[10]](#footnote-10), dẫn đến xác định đối tượng thụ hưởng chính sách còn nhiều bất cập. Cụ thể:

+ Học sinh có hộ khẩu thường trú thuộc xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) thì sinh sống tại bất kỳ thôn nào trong xã cũng thuộc diện xét hưởng chính sách nếu đảm bảo thêm điều kiện về khoảng cách; Học sinh có hộ khẩu thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn chỉ áp dụng tại các xã vùng I, II.

+ Học sinh có hộ khẩu thường trú thuộc xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn), nhưng nếu sinh sống tại thôn không phải là thôn đặc biệt khó khăn (không nằm trong danh sách thôn đặc biệt khó khăn được Thủ tướng chính phủ phê duyệt) thì không xem xét hưởng chính sách.

 Từ các nội dung trên, Ban cho rằng Nghị quyết cần quy định cụ thể khoảng cách, địa bàn tương ứng với điều kiện địa hình, giao thông (thuận lợi, khó khăn) của từng vùng để quá trình áp dụng được thống nhất và đúng quy định.

b. Về phụ lục địa bàn kèm theo Tờ trình:

Qua khảo sát thực tế và rà soát với các văn bản đã được ban hành đang còn hiệu lực tại thời điểm thẩm tra[[11]](#footnote-11), Ban nhận thấy phụ lục kèm theo Tờ trình còn nhiều nội dung cần xem xét lại, cụ thể:

+ Tên địa danh một số thôn, làng đặc biệt khó khăn đưa vào danh mục là tên gọi sau khi đã được sáp nhập, tổ chức, sắp xếp lại theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND, không đồng nhất với tên gọi các thôn đặc biệt khó khăn đã được phê duyệt; không trùng với tên thôn ghi trong hộ khẩu thường trú của học sinh; cùng một thôn nhưng có cách ghi khác nhau; có thôn không có tên trong văn bản các cấp quy định… *(Có Phụ lục gửi kèm báo cáo này).*

+ Cách định vị khu vực của thôn mới sau khi sáp nhập nhiều thôn với nhau để đảm bảo điều kiện xét cho học sinh hưởng chính sách không thống nhất và rõ ràng, có nơi định vị theo: Khu dân cư, cụm dân cư, cụm làng, dùng tên thôn cũ, cụm làng trong thôn.

+ Việc sáp nhập giữa thôn đặc biệt khó khăn và thôn không phải là thôn đặc biệt khó khăn thành một thôn mới gây lúng túng cho việc xác định địa bàn đặc biệt khó khăn[[12]](#footnote-12).

**2.2.2. Điều 4: Tổ chức thực hiện:**

Giai đoạn 2021-2025 trở đi sẽ có nhiều thay đổi về công nhận các địa bàn đặc biệt khó khăn[[13]](#footnote-13), do đó, ngoài các nội dung nêu trong dự thảo Nghị quyết, cần bổ sung nội dung chuyển tiếp:

“Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi các nội dung trong Nghị quyết do có thay đổi về chính sách được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại kỳ họp gần nhất”.

**2.2.3. Điều 5: Điều khoản thi hành:**

Dự thảo Nghị quyết xác định thời điểm có hiệu lực cần dự kiến thời gian cụ thể phù hợp với thời điểm kết thúc năm học 2019-2020 (kéo dài do ảnh hưởng của dịch Covid-19), để chính sách áp dụng cho học sinh đang thực hiện theo Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh không bị ảnh hưởng; đồng thời xác định thời điểm hết hiệu lực của nghị quyết 85/2017/NQ-HĐND phù hợp với thời điểm có hiệu lực của nghị quyết dự kiến ban hành.

**III. Sự phù hợp của nội dung dự thảo** **nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**

Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước hiện hành. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định pháp luật.

**IV. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Từ các căn cứ pháp lý được nêu tại mục 1 Phần I như trên, Ban Văn hóa-Xã hội xét thấy việc dự thảo nghị quyết ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

**V. Kiến nghị, đề xuất:**

1. Kiến nghị:

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các đại biểu tại phiên họp thẩm tra và các quy định của pháp luật có liên quan, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung được đề cập tại mục 2.2, phần II của báo cáo này.

2. Đề xuất:

- Bổ sung phụ lục các trường, xã, thôn đặc biệt khó khăn đảm bảo khoảng cách tối thiểu trở lên được quy định tại khoản 1, Điều 2 Dự thảo Nghị quyết.

- Thay cụm từ “các xã khu vực III hoặc thôn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành" được quy định tại điểm b khoản 1; điểm b khoản 2 của Điều 2 dự thảo Nghị quyết bằng cụm từ “các xã khu vực III hoặc thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II” để đảm bảo tính thống nhất khi thực hiện Nghị quyết.

- Đối với Phụ lục kèm theo Nghị quyết:

+ Phụ lục cần có ghi chú tên văn bản quy phạm pháp luật đang điều chỉnh các nội dung trong phụ lục để đảm bảo tính hợp pháp.

+ Điều chỉnh các nội dung như đã đề cập trong báo cáo này đối với phần phụ lục.

+ Trình bày phụ lục theo hướng khoa học, dễ hiểu, không gây nhầm lẫn.

Trên đây là ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội về dự thảo Nghị quyết về quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh. Đề nghị cơ quan trình báo cáo tiếp thu các ý kiến của đại biểu để giải trình tại kỳ họp.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ 10 xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);- Ủy ban nhân dân tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;- Lưu: VT, VH-XH *(Vi).* | **TM. BAN VĂN HÓA-XÃ HỘI****KT. TRƯỞNG BAN****PHÓ TRƯỞNG BAN****Đã ký** **Huỳnh Thị Hồng** |

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND Huyện Đăk Hà; UBND Huyện Đăkglei. [↑](#footnote-ref-1)
2. Báo cáo Số 122/BC-GDĐT ngày 22/5/2020 “ V/v tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể về tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh” [↑](#footnote-ref-2)
3. Báo cáo Số 122/BC-GDĐT ngày 29/5/2020 “V/v tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “Quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh” [↑](#footnote-ref-3)
4. - Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020”.

- Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020”

- Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum “Về việc sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại và đổi tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum”. [↑](#footnote-ref-4)
5. Báo cáo số 12/BC-VHXH ngày 24/6/2020 của Ban văn hóa-Xã hội về Kết quả khảo sát địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn; các trường học phục vụ thẩm tra trình kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XI [↑](#footnote-ref-5)
6. Xác định điểm đầu từ cổng trường, điểm cuối đến: trung tâm thôn -nhà rông (áp dụng đa số); cổng chào của thôn (Tiểu học Đăk Môn-Huyện Đăkglei); nhà cuối cùng của thôn (Phân hiệu Trường PTDTNT Kon Plong) để xác định khoảng cách tối thiểu chung. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trường TH Đăk Môn: Đo khoảng cách từ cổng trường đến cổng chào của thôn không đủ 4km, do đó học sinh có hộ khẩu thường trú tại thôn này không được xét hưởng chính sách 116; nhưng thực tế đo khoảng cách đến nhà cụ thể sẽ có nhiều trường hợp đảm bảo điều kiện về khoảng cách. [↑](#footnote-ref-7)
8. Trường Tiểu học Đăk Môn: đề nghị bổ sung 3 thôn Đăk Nai, Đăk Giấc, Lanh Tôn. Qua khảo sát thực tế tại 2 thôn Đăk Nai, Đăk Giấc, khoảng cách từ nhà đến trường đều dưới 4 km, giao thông hiện nay đã thuận lợi. [↑](#footnote-ref-8)
9. Xã Đăk Môn (Huyện Đăk Glei); Xã Đăk Ui, Đăk Hrìng (Huyện Đăk Hà). [↑](#footnote-ref-9)
10. Theo Quyết định 582/QĐ-TTg và Quyết định 103/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-10)
11. - Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum “Về việc sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại và đổi tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020”.

- Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020”. [↑](#footnote-ref-11)
12. Thôn 7-ĐBKK sáp nhập với thôn 8-Không phải ĐBKK thành thôn 7 của thị trấn Đăk Rơ Ve, huyện Kon Rẫy. [↑](#footnote-ref-12)
13. Văn bản số 342/UBDT-CSDT ngày 23/3/2020 của Ủy ban Dân tộc “V/v Phân định các xã, thôn vùng DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025” [↑](#footnote-ref-13)